

Bản án số: 46/2024/DS-ST

Ngày: 30/8/2024

V/v Tranh chấp

hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971. Nơi cư trú: số 232 N, tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1953. Nơi cư trú: thôn N 2, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 29/01/2021 (ương lịch) bà Phạm Thị H1 có vay của tôi số tiền là 45.000.000^d (bốn mươi lăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 2.000^d/ ngày, thời hạn trả nợ ngày 29/02/2021, hai bên viết giấy vay tiền và bà H1 có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 295016 đối với thửa đất số 5a, tờ bản đồ số 7, diện tích 345m² cấp ngày 18/12/2003 mang tên hộ bà Phạm Thị H1 để làm tin nên việc thế chấp chỉ ghi trong giấy vay tiền, không lập hợp đồng riêng, không công chứng và không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Tính đến ngày 04/3/2023, bà H1 đã trả cho tôi tổng số tiền lãi là 34.800.000^d

(ba mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng) và 10.000.000^d (mười triệu đồng) tiền vay, còn nợ lại 35.000.000^d (ba mươi lăm triệu đồng) tiền vay và tiền lãi 30.000.000^d (ba mươi triệu đồng). Do đó, hai bên viết giấy vay tiền ghi ngày 04/3/2023 (dương lịch) với nội dung: Bà Phạm Thị H1 có vay của tôi số tiền 65.000.000^d (sáu mươi lăm triệu đồng), tiền lãi là 3.500.000^d (ba triệu năm trăm nghìn đồng)/ tháng, thời hạn trả nợ là ngày 04/4/2023, tiếp tục thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 295016 đối với thửa đất số 5a, tờ bản đồ số 7, diện tích 345m². Việc thế chấp quyền sử dụng đất chỉ ghi trong giấy vay để làm tin. Sau khi viết giấy vay tiền trên thì bà H1 đã trả thêm cho tôi số tiền lãi là 2.700.000^d (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Từ đó đến nay, bà H1 chưa trả thêm cho tôi được số tiền nào. Do đó, tôi khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị H1 phải trả cho tôi số tiền 65.000.000^d (sáu mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi kể từ thời điểm ghi giấy vay (04/3/2023) đến nay với mức lãi suất theo quy định pháp luật, trừ đi số tiền mà bà H1 đã trả lãi là 2.700.000^d (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Sau khi bà H1 trả đủ nợ thì tôi sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 295016 cho bà H1.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/6/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị H1 trình bày:

Tôi thừa nhận ngày 29/01/2021 (dương lịch), tôi có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền là 45.000.000^d (bốn mươi lăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 2.000^d/ ngày, thời hạn trả nợ ngày 29/02/2021. Hai bên viết giấy vay tiền và tôi có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 295016 đối với thửa đất số 5a, tờ bản đồ số 7, diện tích 345m² cấp ngày 18/12/2003 mang tên hộ bà Phạm Thị H1 để làm tin nên việc thế chấp chỉ ghi trong giấy vay tiền, không lập hợp đồng riêng, không công chứng và không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Tính đến ngày 04/3/2023, tôi đã trả cho bà H tổng số tiền lãi là 34.800.000^d (ba mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng) và 10.000.000^d (mười triệu đồng) tiền vay. Bà H tính tôi còn nợ lại 35.000.000^d (ba mươi lăm triệu đồng) tiền vay và tiền lãi 30.000.000^d (ba mươi triệu đồng) nên đã yêu cầu tôi ký giấy vay tiền ghi ngày 04/3/2023 (dương lịch) với nội dung: Tôi có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 65.000.000^d (sáu mươi lăm triệu đồng), tiền lãi là 3.500.000^d (ba triệu năm trăm nghìn đồng)/ tháng, thời hạn trả nợ là ngày 04/4/2023 và tiếp tục thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 295016 đối với thửa đất số 5a, tờ bản đồ số 7, diện tích 345m² để làm tin.

Sau khi viết giấy vay tiền, tôi đã trả thêm cho bà H số tiền lãi là 2.700.000^d (hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Nguyện vọng: Tôi xác định còn nợ bà H số tiền vay là 35.000.000^d (ba mươi lăm triệu đồng), về phần tiền lãi do bà H tính lãi với mức lãi suất quá cao so với quy định pháp luật kể từ thời điểm vay ngày 29/01/2021 (dương lịch) nên đề nghị Tòa án xem xét lại phần tiền lãi theo mức lãi suất mà pháp luật quy định.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 295016 thì sau khi tôi trả đủ nợ thì bà H phải trả lại cho tôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 38.291.875^d, gồm tiền vay còn nợ 28.426.205^d và tiền lãi 9.865.670^d. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Phạm Thị H1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 295016 đối với thửa đất số 5a, tờ bản đồ số 7, diện tích 345m² cấp ngày 18/12/2003 mang tên hộ bà Phạm Thị H1 ngay sau khi bà H1 đã trả đủ nợ.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng:

- Xét giao dịch giữa bà Nguyễn Thị H và bà Phạm Thị H1 về việc vay tiền có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện là hợp đồng vay tài sản có hiệu lực nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên. Do đến thời hạn trả nợ và đến nay, bà Phạm Thị H1 không thực hiện nghĩa vụ như cam kết nên bà Nguyễn Thị H khởi kiện và Tòa án thụ lý giải quyết, phù hợp khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H buộc bà Phạm Thị H1 phải trả số tiền vay là 65.000.000^d (sáu mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi kể từ ngày 04/3/2023 đến nay, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn bà Phạm Thị H1, đều xác định: Ngày 29/01/2021 (dương lịch), bà Phạm Thị H1 có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền là 45.000.000^d (bốn mươi lăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 2.000^d/ ngày, thời hạn trả nợ ngày 29/02/2021. Xét lời khai của các đương sự phù hợp với giấy vay tiền ghi ngày 29/01/2021 do bị đơn cung cấp lưu hồ sơ vụ án.

Các bên thừa nhận tính đến ngày 04/3/2023, bà Phạm Thị H1 đã trả cho bà H tổng số tiền lãi là 34.800.000^d (ba mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng) và 10.000.000^d (mười triệu đồng) tiền vay. Do bà H tính bà H1 còn nợ lại 35.000.000^d (ba mươi lăm triệu) tiền vay và 30.000.000^d (ba mươi triệu đồng) tiền lãi nên hai bên đã viết giấy vay tiền ghi ngày 04/3/2023 (dương lịch) với nội dung: bà Phạm Thị H1 có vay của

bà Nguyễn Thị H số tiền 65.000.000^d (sáu mươi lăm triệu đồng), tiền lãi là 3.500.000^d (ba triệu năm trăm nghìn đồng)/ tháng, thời hạn trả nợ là ngày 04/4/2023. Sau khi viết giấy vay tiền, bà H1 đã trả thêm cho bà H số tiền lãi là 2.700.000^d (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Đây là các vấn đề không phải chứng minh bởi các bên đều thừa nhận và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tuy nhiên, thỏa thuận của các bên về phần lãi suất vượt quá mức quy định của pháp luật cho phép. Do đó, bị đơn bà Phạm Thị H1 yêu cầu Hội đồng xét xử tính lại phần tiền lãi theo mức lãi suất mà pháp luật quy định là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2]. Căn cứ vào khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tiền lãi được tính như sau:

- Từ ngày 29/01/2021 (ngày vay tiền) đến ngày 28/02/2021 (ngày trả nợ vì không có ngày 29/02) là 30 ngày, được tính lãi với lãi suất trong hạn: $\{45.000.000^d \times 1,666\% (20\% : 12 \text{ tháng}) \times 30 \text{ ngày}\} : 30 \text{ ngày} = 749.700^d$.

- Từ ngày 01/3/2021 đến ngày 04/3/2023 (ngày viết lại giấy vay tiền) là 733 ngày, được tính lãi với lãi suất quá hạn: $\{45.000.000^d \times 2,499\% (1,666\% \times 150\%) \times 733 \text{ ngày}\} : 30 \text{ ngày} = 27.476.505^d$.

Tổng tiền lãi của giai đoạn này là 28.226.205^d (hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm lẻ năm đồng). Trong đó, bị đơn bà H1 đã trả cho bà H tổng tiền lãi là 34.800.000^d (ba mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng) và 10.000.000^d (mười triệu đồng) tiền vay.

Theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì “...Số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi..”.

Như vậy, tại thời điểm viết lại giấy vay tiền ghi ngày 04/3/2023 bị đơn bà Phạm Thị H1 đã trả dư tiền lãi theo quy định cho bà H với số tiền là 6.573.795^d (34.800.000^d - 28.226.205^d), căn cứ vào quy định trên thì số tiền này được trừ vào số tiền nợ gốc.

Do đó, tại thời điểm viết giấy vay này, bà Phạm Thị H1 còn nợ bà Nguyễn Thị H số tiền vay là 28.426.205^d (hai mươi tám triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm lẻ năm đồng).

[3]. Trong giấy vay tiền ghi ngày 04/3/2023, các bên thỏa thuận tiền lãi là 3.500.000^d (ba triệu năm trăm nghìn đồng)/ tháng, thời hạn trả nợ là ngày 04/4/2023. Sau khi viết giấy vay tiền, bà H1 đã trả thêm cho bà H số tiền lãi là 2.700.000^d (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Việc các bên thỏa thuận với mức lãi suất vượt quá quy định pháp luật. Do đó, Căn cứ vào khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tiền lãi được tính như sau:

- Từ ngày 04/3/2023 (ngày viết lại giấy vay tiền) đến ngày 04/4/2023 (ngày trả nợ theo thỏa thuận) là 31 ngày, được tính lãi với lãi suất trong hạn: $\{28.426.205^d$

x 1,666% (20%: 12 tháng) x 30 ngày}: 30 ngày= 489.366^d.

- Từ ngày 05/4/2023 đến ngày 30/8/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 510 ngày, được tính lãi với lãi suất quá hạn: {28.426.205^d x 2,499% (1,666% x 150%) x 510 ngày}: 30 ngày= 12.076.304^d.

Tổng tiền lãi là 12.565.670^d, bị đơn bà H1 đã trả cho bà H1 tiền lãi là 2.700.000^d, do đó tiền lãi bà H1 còn nợ bà H là 9.865.670^d (chín triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

[4] Như vậy, bị đơn bà Phạm Thị H1 còn nợ bà Nguyễn Thị H số tiền là 38.291.875^d (ba mươi tám triệu hai trăm chín mươi một nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó, tiền vay gốc còn nợ là 28.426.205^d và tiền lãi còn lại là 9.865.670^d.

Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc bà Phạm Thị H1 phải trả cho bà H tổng số tiền 38.291.875^d (ba mươi tám triệu hai trăm chín mươi một nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng) nêu trên.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với số tiền vay là 36.573.795^d (65.000.000^d- 28.426.205^d).

[5] Xử lý tài sản thế chấp: khi vay tiền bà Phạm Thị H1 có thể chấp cho bà Nguyễn Thị H 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 295016 đối với thửa đất số 5a, tờ bản đồ số 7, diện tích 345m² do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 18/12/2003 mang tên hộ bà Phạm Thị H1 để làm tin. Tuy nhiên, các bên đều xác định việc thế chấp chỉ ghi trong giấy vay tiền mà hai bên không lập hợp đồng riêng, không công chứng và không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Do đó, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa các bên thống nhất: Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị H1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 295016 nói trên ngay sau khi bà H1 đã trả đủ nợ cho bà H là phù hợp với quy định pháp luật, cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn bà Phạm Thị H1 phải chịu 1.915.000^d (một triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, xét thấy bà Phạm Thị H1, sinh ngày 06/3/1953 đã trên 60 tuổi thuộc người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Do đó, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 4 Điều 15 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận miễn toàn bộ tiền án phí cho bị đơn, bà Phạm Thị H1 không phải nộp 1.915.000^d (một triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng) tiền án phí.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.828.690^d (một triệu tám trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận theo khoản 4 Điều 26, điểm c tiêu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, được khấu trừ vào số tiền 2.047.500^d tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000294 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, còn lại 218.810^d (hai trăm mười tám nghìn tám trăm mười đồng) tiền tạm ứng án phí trả cho bà Nguyễn Thị H theo số biên lai trên.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 4 Điều 15, khoản 1 và khoản 4 Điều 26, điểm c tiểu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Phạm Thị H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 38.291.875^d (ba mươi tám triệu hai trăm chín mươi một nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó, tiền vay gốc còn nợ là 28.426.205^d (hai mươi tám triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm lẻ lăm đồng) và tiền lãi còn lại là 9.865.670^d (chín triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 31/8/2024 đến khi thi hành án xong, bị đơn bà Phạm Thị H1 còn phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với số tiền vay là 36.573.795^d (ba mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng).

3. Xử lý tài sản thế chấp: Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị H1 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 295016 đối với thửa đất số 5a, tờ bản đồ số 7, diện tích 345m² do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 18/12/2003 mang tên hộ bà Phạm Thị H1, ngay sau khi bà H1 đã trả đủ nợ cho bà H.

4. Về án phí: Bị đơn bà Phạm Thị H1 được miễn nộp số tiền 1.915.000^d (một triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.828.690^d (một triệu tám trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 2.047.500^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000294 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, còn lại 218.810^d (hai trăm mười tám nghìn tám trăm mười đồng) tiền tạm ứng án phí trả cho bà Nguyễn Thị H theo số biên lai trên.

Căn cứ Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bên có quyền thoả thuận việc thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật;

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
- Chi cục THADS huyện K.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Xuân Chiến